



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Năm báo cáo: 2013

Tp. Hồ Chí Minh, 04/2014

MỤC LỤC

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	1
II. PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	3
III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013.....	5
IV. VỀ ACBS	7
1. Tổng quan về ACBS.....	7
2. Lịch sử hình thành và phát triển của ACBS.....	8
3. Giá trị cốt lõi.....	8
4. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển.....	8
5. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp	9
6. Các công ty có liên quan	9
V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013	13
1. Môi trường kinh tế Việt Nam năm 2013 và dự báo năm 2014.....	13
2. Hoạt động môi giới	15
3. Hoạt động đầu tư chứng khoán.....	16
4. Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành	18
5. Nghiên cứu và phân tích.....	19
VI. NGUỒN NHÂN LỰC.....	21
1. Sơ đồ tổ chức.....	21
2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát	21
3. Ban Tổng giám đốc.....	23
4. Số lượng cán bộ và nhân viên.....	24
5. Chính sách dành cho nhân viên	24
6. Kế hoạch phát triển và đào tạo nhân viên	25
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	27
1. Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2013	27
2. Thuyết minh BCTC hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2013	27
VIII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	28

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thưa Quý vị,

Thay mặt toàn thể nhân viên công ty chứng khoán ACB (ACBS), tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước đã đồng hành, luôn tin tưởng, và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Kính thưa Quý vị,

Trong năm 2013, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN) còn khó khăn nhưng kinh tế vĩ mô đã có những bước ổn định, các giải pháp vĩ mô đã dần phát huy tác dụng. Lạm phát được kiềm chế; Chỉ số sản xuất công nghiệp đã tăng 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái; Cán cân thanh toán được cải thiện; Mặt bằng lãi suất có chiều hướng giảm dần; Thị trường ngoại hối trong xu thế ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng; Vốn FDI tăng 54,2% so với cùng kỳ năm ngoái...

Với nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TTCK được thực hiện như giảm thuế với chuyển nhượng chứng khoán, kéo dài thời gian giao dịch, áp dụng lệnh thị trường, nới biên độ giao dịch, điều chỉnh tỷ lệ giao dịch ký quỹ từ 40/60 lên 50/50 đã được áp dụng. Đồng thời, công tác tái cấu trúc TTCK được đẩy mạnh, đặc biệt là vấn đề sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán và việc ban hành các quy định mới về quỹ mở, triển khai giao dịch ETF đã tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, nhất là các tổ chức đầu tư nước ngoài.

Kết quả là TTCK Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến và kết quả khả quan. Chỉ số VN-Index tăng gần 23%; HN-Index tăng trên 13% so với cuối năm 2012. TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong những nước có mức độ phục hồi mạnh nhất trên thế giới. Mức vốn hóa vào khoảng 964.000 tỷ đồng (tăng 199.000 tỷ đồng so với cuối năm 2012), tương đương 31% GDP.

Sớm dự báo xu hướng phát triển của thị trường, Ban lãnh đạo ACBS đã đề ra chiến lược phù hợp với từng thời kỳ. Nhờ đó, ACBS tiếp tục duy trì vị thế của mình trên thị trường chứng khoán, là một trong ba công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Kết thúc năm 2013, thị phần môi giới của ACBS ở sàn HOSE là 6.46% và HNX là 5.26%. Doanh thu năm 2013 đạt 465 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 119 tỷ.

Chất lượng dịch vụ không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng phân nhóm khách hàng. ACBS vẫn tiếp tục là nhà tư vấn đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong hoạt động tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, niêm yết, phát hành cổ phiếu ra công chúng, mua bán sáp nhập, thu xếp vốn.

Với ACBS, chúng tôi ý thức rằng nhân lực là yếu tố quan trọng nhất, nền tảng của sự phát triển và là sức mạnh cạnh tranh của tổ chức. ACBS đã trở thành ngôi nhà thứ hai, nơi Ngay từ những ngày đầu thành lập, Ban lãnh đạo đã chú

trọng xây dựng môi trường văn hoá doanh nghiệp hiệu quả, minh bạch, năng động, để mỗi thành viên đều có cơ hội thể hiện năng lực, tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện bản lĩnh trong công việc. Trải qua hơn mười ba năm, với bao nhiêu thăng trầm của thị trường ACBS vẫn vững vàng vượt qua mọi thử thách, nắm bắt cơ hội, không ngừng phát triển là nhờ nỗ lực hết mình của đội ngũ nhân viên đầy tài năng và nhiệt huyết.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2014

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt sẽ có những điểm sáng hơn so với năm 2013. Môi trường đầu tư của Việt Nam tiếp tục được cải thiện nhờ những thuận lợi đến từ những cơ hội gia tăng xuất khẩu và đón nhận dòng vốn từ nước ngoài gắn với xu hướng hồi phục kinh tế thế giới, cũng như từ cộng hưởng hiệu ứng tích cực của một loạt chính sách vĩ mô mà Việt Nam đã triển khai hoặc sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2014, nhất là từ chính sách giảm thuế (thuế thu nhập DN từ 1/1/2014 là 22% và sẽ giảm còn 20% kể từ ngày 1/1/2016). Với sự kỳ vọng vào các chính sách vĩ mô của chính phủ trong thời gian qua tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2014, chúng tôi nhận định rằng mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,5% hoàn toàn có thể đạt được.

Với những tín hiệu tích cực của nền kinh tế, ngay từ đầu năm 2014 UBCK đã có những đề xuất mang tính hỗ trợ mà cụ thể là tăng room cho khối ngoại. TTCK Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Đối với ACBS, tập trung vào hai mục tiêu chính: gia tăng thị phần môi giới và tăng trưởng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu trên, Ban lãnh đạo đã định hướng chiến lược phát triển toàn diện bao gồm kế hoạch đầu tư cải tiến hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực quản trị rủi ro cũng như cơ cấu lại hệ thống tổ chức nhằm phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT

II. PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ACBS

Định hướng chiến lược:

ACBS, với sứ mạng trở thành Ngân Hàng Đầu Tư hàng đầu của Việt Nam, đã và sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là cung cấp dịch vụ tài chính đồng bộ tổng thể cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Cùng với hệ thống kênh phân phối của ACB, với mạng lưới chi nhánh và khách hàng rộng lớn khắp Việt Nam ACBS tiếp tục tối đa hóa giá trị cộng hưởng giữa dịch vụ ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư, tạo nên một trung tâm dịch vụ tài chính đa dạng trọn gói cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

Tóm tắt tình hình hoạt động của ACBS năm 2013:

Trong năm 2013, diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam tương đối trầm lắng do kinh tế vĩ mô vẫn chưa có chuyển biến rõ nét, giá trị giao dịch cổ phiếu chứng chỉ quỹ của thị trường tăng 5% so với năm 2012 (*Hose tăng 20%, HNX giảm 26%*). Kết thúc năm 2013, chỉ số VN-Index đạt mức 504,6 điểm còn HNX-Index đạt mức 67,84 điểm.

Năm 2013, kế hoạch tái cấu trúc của ACBS đi vào chiều sâu với chiến lược tập trung vào kinh doanh cốt lõi là dịch vụ tài chính. Với phương châm lấy khách hàng là trọng tâm, ACBS không ngừng hoàn thiện chất lượng phục vụ. Nhiều tiện ích và dịch vụ được cải tiến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Hệ thống kênh phân phối được sắp xếp lại nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ. Công nghệ thông tin được ưu tiên đầu tư cải tiến, tạo thế mạnh cạnh tranh cho ACBS. Lượng tiền mặt luôn được giữ ở mức cao nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn. Danh mục đầu tư đã giảm đáng kể cả về số lượng lẫn tổng giá trị.

Trong bối cảnh thị trường diễn biến chưa thuận lợi, ACBS vẫn duy trì được kết quả kinh doanh khả quan, tạo nền móng để phát triển dịch vụ tài chính toàn diện lâu dài với:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 465 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt 119 tỷ đồng
- Thị phần môi giới chứng khoán của ACBS chiếm 6,17% đứng thứ 3 thị trường.

Định hướng hoạt động năm 2014

Trong năm 2014, ACBS sẽ tiếp tục chiến lược tập trung vào kinh doanh cốt lõi là dịch vụ tài chính, phát huy những thế mạnh đã đạt được trong năm trước và giá trị thương hiệu ACB. Mục tiêu chính của ACBS là gia tăng thị phần môi giới, đặc biệt trong khối khách hàng định chế. Hoạt động chăm sóc khách hàng sẽ được chú trọng hơn nữa nhằm phục vụ tốt khách hàng hiện tại và thu hút khách hàng mới. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp sẽ được phát triển về chất lượng với việc chú trọng vào đào tạo, huấn luyện chuyên sâu, nhằm đưa chất lượng dịch vụ của ACBS từng bước nâng cao ngang tầm khu vực.

Trân trọng,

Tổng Giám Đốc

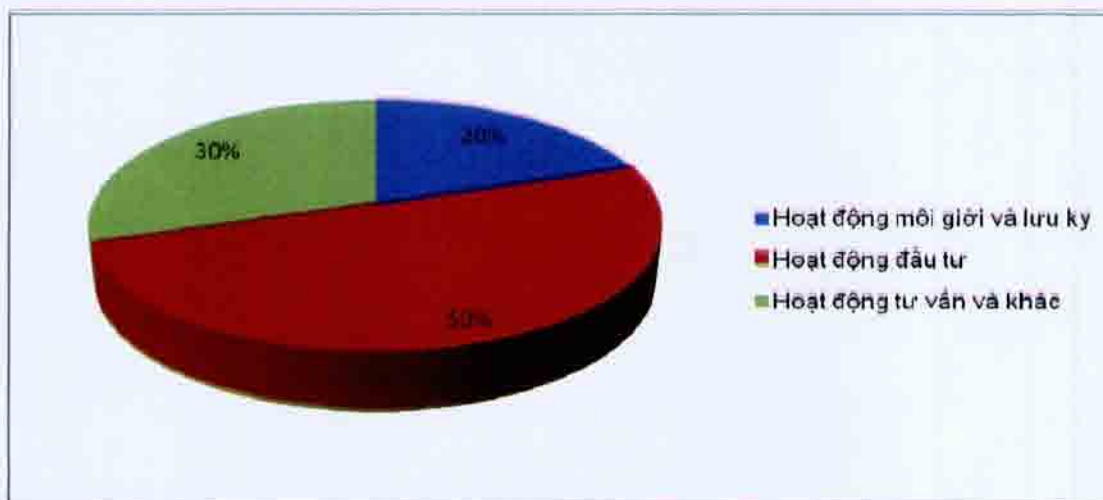
III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013

Báo cáo tình hình tài chính

Tổng tài sản của ACBS đạt 2.469 tỷ đồng, giảm -42,41 % so với năm 2012, vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2013 đạt 1.680 tỷ đồng, tăng nhẹ +0,06%.

	Đơn vị	2013	2012	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.469	4.287	-42,41%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.680	1.679	+0,06%
Doanh thu	Tỷ đồng	465	757	-38,57%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	119	127	-6,30%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	102	114	-10,53%

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán năm 2013 đạt 465 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới và lưu ký là 92 tỷ đồng; hoạt động đầu tư góp vốn 234 tỷ đồng; hoạt động tư vấn tài chính và các hoạt động khác là 139 tỷ đồng.



IV. VỀ ACBS

1. Tổng quan về ACBS

Tên chính thức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Tên tiếng Anh: ACB Securities Company

Ngày thành lập: Ngày 29 tháng 6 năm 2000, do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) làm chủ sở hữu, theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000.

Hội sở chính:

107N Trương Định, phường 06, quận 03, Tp.Hồ Chí Minh

Mạng lưới chi nhánh:

Hiện nay, hệ thống chi nhánh/phòng giao dịch của ACBS đã có mặt tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, TP.Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh

Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Tư vấn tài chính doanh nghiệp:

- Tư vấn mua lại và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn phát hành chứng khoán (Phát hành lần đầu (IPO), phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ)
- Tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn đăng ký giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)
- Tư vấn định giá cổ phần doanh nghiệp
- Tư vấn cổ phần hóa các Doanh nghiệp
- Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp (từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần)
- Tư vấn và thực hiện đấu giá bán cổ phần
- Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn quan hệ với nhà đầu tư
- Quản lý sổ cổ đông
- Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

2. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ACBS

2.1 Quá trình hình thành:

Tháng 6/2000, ACBS được thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

Sau hơn 12 năm hoạt động, ACBS đã và đang phát triển lớn mạnh về tiềm lực tài chính, mạng lưới hoạt động, chất lượng dịch vụ, và được đánh giá là một trong các công ty chứng khoán hàng đầu và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2.2 Quá trình phát triển:

Tăng trưởng về vốn:

Từ số vốn điều lệ khiêm tốn khi thành lập là 43 tỷ đồng, ACBS đã trải qua 5 lần tăng vốn như sau:

- Tháng 9/2005: Vốn điều lệ là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Tháng 5/2006: Vốn điều lệ là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tháng 9/2007: Vốn điều lệ là 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng)
- Tháng 1/2008: Vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng)
- Tháng 11/2009 đến nay: Vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng)

Tăng trưởng về nhân sự

- So với năm 2012, số lượng nhân viên ACBS năm 2013 là 222 giảm 10%.

Mạng lưới

- Đến cuối năm 2013: Hội sở, 13 Chi nhánh và 05 PGD.

3. Giá trị cốt lõi

AN TOÀN

CHUYÊN NGHIỆP

BẢO MẬT

SÁNG TẠO

4. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển

4.1 Tầm nhìn và sứ mệnh:

Tầm nhìn

Tận dụng cơ hội tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán Việt Nam để tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế, trở thành một Ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Việt Nam.

Sứ mệnh:

- ✓ Là nhà môi giới chuyên nghiệp, tận tâm với khách hàng,
- ✓ Là kênh đầu tư của tập đoàn ACB,
- ✓ Là đối tác đáng tin cậy của doanh nghiệp để tìm kiếm các giải pháp tài chính,
- ✓ Là nơi thuận lợi để phát triển sự nghiệp và cuộc sống của tập thể cán bộ nhân viên,
- ✓ Là thành viên đóng góp tích cực trong việc tối đa hóa giá trị cổ đông của công ty mẹ.

4.2 Mục tiêu trong giai đoạn 2011-2015:

Trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tư có quy mô và thị phần lớn nhất, hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả ở Việt Nam.

4.3 Chiến lược phát triển:

- Nâng cao năng lực tài chính và quản lý rủi ro, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào hoạt động và quản trị.
- Nâng cao năng lực vận hành cũng như đảm bảo an toàn và ổn định hệ thống.
- Mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

5. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp

Kể từ ngày thành lập cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, ACBS không có sự thay đổi nào về tỷ lệ vốn góp.

Các dữ liệu thống kê về thành viên góp vốn:

- Thành viên góp vốn trong nước: Tính đến ngày 31/12/2011, 100% vốn góp của ACBS do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) góp vốn.
- Thành viên góp vốn nước ngoài: Đến cuối năm 2011, ACBS không có thành viên góp vốn nước ngoài.

6. Các công ty có liên quan

ACBS hiện góp 100% vốn vào công ty quản lý quỹ ACB (ACBC).

Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ ACB (ACBC) năm 2013 và kế hoạch năm 2014:

Những tín hiệu ổn định của kinh tế vĩ mô cùng hàng loạt chính sách mới trong mục tiêu phát triển thị trường đã tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán có bước khởi sắc trong năm 2013. Tuy nhiên, đây cũng là năm

thách thức đối với các công ty quản lý quỹ khi mà nhiều quỹ bị lỗ hoặc giải thể, một số công ty quản lý quỹ ở diện bị kiểm soát đặc biệt, bị đình chỉ hoạt động, hay tạm ngừng hoạt động.

Trong tình hình thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, Công ty Quản lý Quỹ ACB ("ACBC") tiếp tục chiến lược thận trọng trong hoạt động đầu tư, tiết giảm chi phí trong quản lý và đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo luật định.

Kết thúc năm 2013, ACBC đạt doanh thu 7,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2013 đạt 532%. Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB ("Quỹ ASIAGF") do ACBC quản lý cũng có kết quả hoạt động khả quan. Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị tài sản ròng Quỹ ASIAGF đạt mức 264,18 tỷ đồng tương đương 11.004 đồng/chứng chỉ quỹ. Trong năm 2013 Quỹ ASIAGF đã trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 13% hay 1.300 đồng/ chứng chỉ quỹ.

Trong năm 2014, ACBC sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán đồng thời phân tích tình hình thị trường và các văn bản pháp quy, xây dựng đề án thành lập quỹ mở, quỹ thành viên để hội nhập thị trường và mang lại cơ hội đầu tư cùng sự phát triển tốt hơn nữa cho Nhà đầu tư.

V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ACBS NĂM 2013

1. Môi trường kinh tế Việt Nam 2013 và dự báo năm 2014

1.1 Tình hình kinh tế vĩ mô 2013

Trong năm 2013, nhìn chung nền kinh tế đã đạt được mức độ ổn định hơn so với năm 2012 và những dấu hiệu tích cực của quá trình hồi phục đã xuất hiện trong giai đoạn cuối năm. So với mục tiêu chính sách, nền kinh tế đã đạt được các mục tiêu căn bản là ổn định kinh tế, kiềm chế lạm phát và cải thiện tăng trưởng.

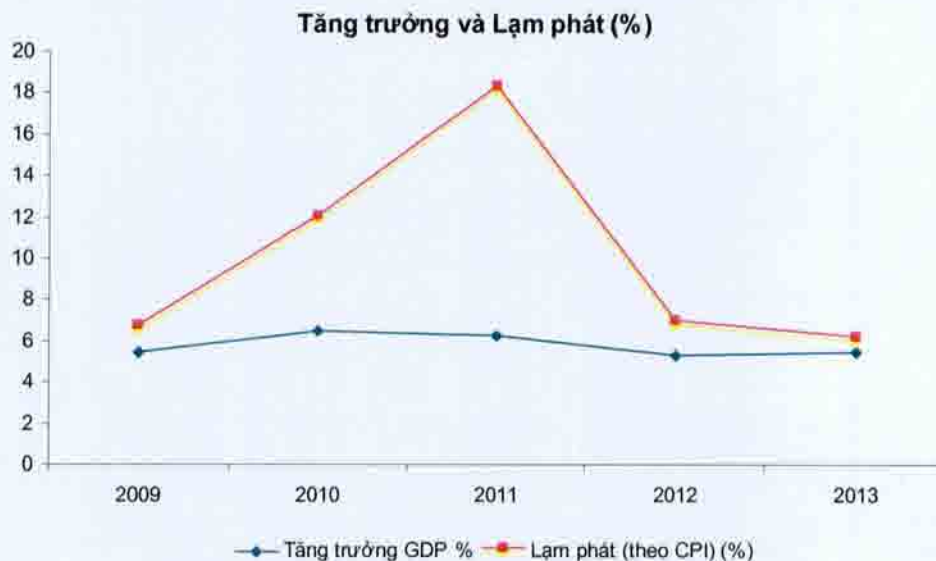
Tăng trưởng và Lạm phát

So với năm 2012, tốc độ tăng trưởng năm 2013 đã có sự cải thiện và đạt 5,42%, xấp xỉ mức tăng trưởng mục tiêu 5,5%. Điều đáng lưu ý là tốc độ tăng trưởng đã được cải thiện dần qua từng quý và đến quý IV-2013, tốc độ tăng trưởng của toàn nền kinh tế đã đạt mức 6%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng 4,8% của quý I-2013.

Một tín hiệu lạc quan khác là các ngành công nghiệp chế tạo, xây dựng đã có tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2012. Một số ngành dịch vụ như ăn uống lưu trú, ngân hàng, kinh doanh bất động sản cũng có tốc độ tăng trưởng cao hơn năm trước. Đây là các ngành dễ bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế và sự đóng băng của thị trường bất động sản. Do đó, tình hình cải thiện tăng trưởng của các ngành này cho thấy một dấu hiệu tích cực về quá trình hồi phục kinh tế.



Lạm phát cũng đã được ổn định và lạm phát cả năm 2013 dừng ở mức 6%, thấp hơn so với mức 6,8% của năm 2012. Tuy vậy, cũng cần lưu ý là mức lạm phát thấp này cũng là một dấu hiệu cho thấy sức cầu của nền kinh tế vẫn đang còn thấp. Nếu xét theo xu thế từ năm 2009 đến nay như biểu đồ cho thấy, có thể thấy nền kinh tế đang đi vào giai đoạn ổn định khi lạm phát được đưa xuống gần với mức tăng trưởng trong khi đó tăng trưởng kinh tế đang đi ngang trong 5 năm qua.



Đầu tư

Theo tính toán của chúng tôi, tăng trưởng của tổng đầu tư toàn nền kinh tế năm 2013 đạt khoảng 5%, cải thiện đáng kể so với mức tăng trưởng đầu tư 2% của năm 2012. Tuy vậy, sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ khu vực nhà nước hơn là khu vực tư (kể cả nội địa lẫn đầu tư nước ngoài). Tăng trưởng đầu tư của khu vực tư đã giảm nhẹ so với năm 2012 và kéo theo là sự giảm nhẹ tỷ trọng đầu tư của khu vực tư trong tổng đầu tư toàn nền kinh tế.

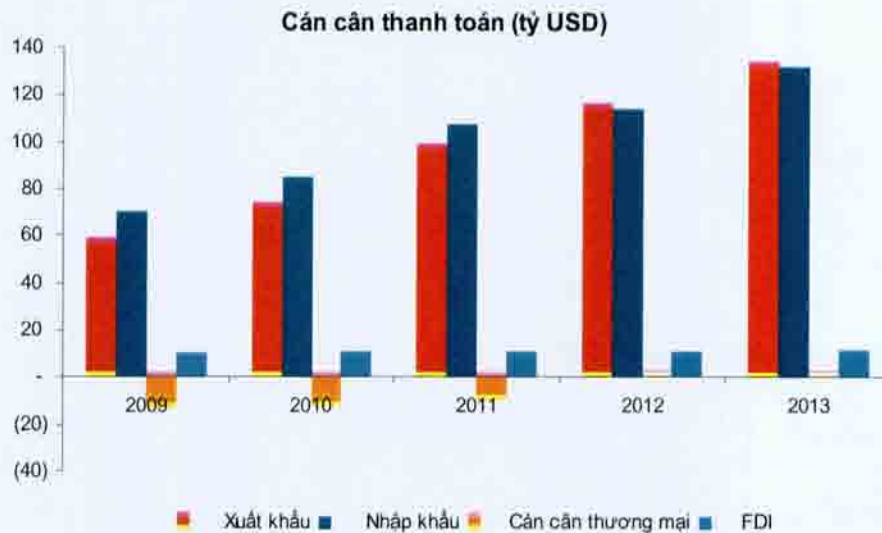
Các số liệu về hoạt động doanh nghiệp cũng cho thấy dấu hiệu chưa ổn định của khu vực tư. Trong khi số lượng doanh nghiệp đăng kí mới gia tăng thì số vốn đăng kí giảm, cho thấy các doanh nghiệp mới có quy mô nhỏ hơn. Tương tự, số lượng doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động trong năm 2013 cũng tăng khoảng 12% so với năm 2012. Chỉ số PMI chỉ dao động chung quanh mức 50-51 cho thấy hoạt động của khu vực tư nhân vẫn còn đang thận trọng.

Cán cân thanh toán, Tiền tệ và Tỷ giá

Lĩnh vực này có thể coi là một điểm sáng của nền kinh tế trong năm 2013. Thặng dư trong cán cân thương mại hàng hóa đạt gần 1 tỷ USD (mặc dù nếu tính cả dịch vụ thì cán cân ngoại thương vẫn thâm hụt gần 2 tỷ USD hay 1% GDP, nhưng đây là mức thâm hụt xấp xỉ năm 2012 và thấp so với mức 8-10% của giai đoạn 2008-2010, hay 4% của năm 2011). Cũng cần lưu ý mức nhập khẩu hàng hóa thấp cũng là một dấu hiệu cho thấy tình hình sản xuất chưa phát triển vì đến 90% nhập khẩu của Việt Nam là tư liệu sản xuất.

Bên cạnh thâm hụt thương mại thấp, tình hình thu hút vốn cũng được cải thiện. Riêng đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đăng kí năm 2013 đạt 22,3 tỷ USD với 1530 dự án, trong đó 77% tập trung vào khu vực công

ngiệp chế biến. Dòng vốn thực hiện cũng được cải thiện với mức 11,5 tỷ, tăng 10% so với năm 2012 và là mức cao nhất trong 5 năm 2009-2013. Tình hình thâm hụt thương mại thấp và dòng vốn tăng đã cho phép cân đối tổng thể của cán cân thanh toán đạt thặng dư (ước tính 2 tỷ USD).



Khu vực tiền tệ cũng tương đối ổn định. Tỷ giá trung bình năm 2013 chỉ tăng 1% do đợt điều chỉnh tỷ giá trong tháng 6. Ngoài ra các biến động tỷ giá khác của năm không lớn nhờ tình trạng thặng dư của cán cân thanh toán. Lãi suất cũng đã được ổn định trong năm 2013 với mức thấp hơn so với năm 2012, một phần do lực cầu thấp và các doanh nghiệp còn thận trọng trong kế hoạch đầu tư như đã nêu trên.

Các vấn đề khác

Hai vấn đề quan trọng trong năm 2013 sẽ có ảnh hưởng qua năm 2014 là tình hình nợ xấu trong khu vực ngân hàng và hoạt động của thị trường bất động sản. Đối với vấn đề nợ xấu, với các giải pháp tái cơ cấu nợ theo quyết định 780 của NHNN và việc bán nợ xấu thông qua VAMC, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng đã được giảm xuống ở mức chung quanh 4% và tiếp theo VAMC đã mua khoản 40 ngàn tỷ nợ xấu. Trong ngắn hạn, các giải pháp này đã tạm thời làm giảm nhẹ áp lực và các nguy cơ của vấn đề nợ xấu đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Mặc dù ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản cho thấy có sự tăng trưởng cải thiện hơn so với năm 2012, tình hình hồi phục của khu vực này trong năm 2013 vẫn chưa có dấu hiệu rõ ràng. Nhiều chính sách hỗ trợ đã được tích cực đưa ra, ví dụ gói hỗ trợ tín dụng 30 ngàn tỷ. Tuy vậy quá trình triển khai đã cho thấy có nhiều rào cản và hiệu quả không như mong đợi. Do vậy nhìn chung khu vực này đã vẫn tiếp tục đình trệ trong năm 2013.

1.2 Triển vọng kinh tế 2014

Ngay từ đầu năm, chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01 trong đó đưa ra một số mục tiêu chính sách cho năm 2014. Nhìn chung, định hướng điều hành chính sách năm 2014 vẫn là tiếp tục ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và cải thiện tăng trưởng với các chỉ tiêu chính lạm phát 7% và tăng trưởng 6,8%. Tiếp theo đó NHNN cũng công bố mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2014 là 12-14%. Các chỉ tiêu này đều chỉ hơi cao hơn mức thực hiện năm 2013 cho thấy niềm tin của chính phủ vào quá trình hồi phục kinh tế lẫn sự thận trọng của chính phủ đối với quá trình này. Phần lớn các chuyên gia và các tổ chức nghiên cứu cũng đều cho rằng các chỉ tiêu này là khả thi và kỳ vọng đối với tình hình kinh tế vĩ mô năm 2014 là tích cực, tuy rằng vẫn có các quan ngại về những rủi ro tiềm ẩn và tính bền vững của quá trình hồi phục, đặc biệt trong trung-dài hạn.

Các số liệu và dữ kiện kinh tế trong hơn hai tháng đầu năm đã xác nhận các kỳ vọng này. Các chỉ số cơ bản như chỉ số sản xuất công nghiệp, chỉ số sử dụng lao động đã tăng cao hơn so cùng kỳ năm trước. Cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu cũng đều tăng so cùng kỳ, đặc biệt nhập khẩu máy móc thiết bị cũng đã tăng. Đối với thu hút đầu tư trực tiếp, mặc dù số lượng dự án và vốn đăng ký trong hai tháng đầu năm giảm, nhưng dòng vốn thực hiện vẫn tiếp tục tăng.

Việc CPI tăng thấp cũng như tăng trưởng tín dụng âm trong hai tháng đầu năm là những dấu hiệu cho thấy quá trình hồi phục vẫn còn gặp khó khăn. Gần đây nhất các ngân hàng đã bắt đầu hạ lãi suất huy động và tiếp theo là chính phủ đã điều chỉnh hạ các lãi suất điều hành đồng thời kêu gọi các ngân hàng hạ lãi suất cho vay. Việc này được kỳ vọng sẽ giúp thúc đẩy quá trình đưa tín dụng ra nền kinh tế.

Đối với vấn đề nợ xấu, NHNN đã điều chỉnh thông tư 02 theo đó việc phân loại nợ sẽ được hoãn thực hiện. Do vậy, mối quan ngại về vấn đề nợ xấu gia tăng khi áp dụng sẽ tạm thời được giảm nhẹ. Điều này có thể giúp khuyến khích ngân hàng sẵn lòng hơn trong việc cung cấp tín dụng đối với khu vực doanh nghiệp, vốn vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Riêng đối với khu vực bất động sản, mặc dù chính phủ tích cực đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ và vẫn đang ráo riết tháo gỡ các khó khăn, khu vực này sẽ khó có chuyển biến lớn trong năm 2014 do vấn đề độ trễ trong thực hiện chính sách.

Đánh giá chung về triển vọng kinh tế năm 2014, chúng tôi tin rằng rằng khả năng kinh tế tiếp tục ổn định với tốc độ tăng trưởng được cải thiện so với năm 2013 là cao. Chúng tôi cũng cho rằng sự cải thiện kinh tế sẽ chưa rõ ràng trong nửa đầu của năm nhưng sự khởi sắc sẽ thể hiện vào nửa cuối năm.

Phụ lục: Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Sản xuất					
GDP thực (theo giá 2010, tỷ đồng)	2,027,591	2,157,828	2,292,483	2,412,778	2,543,584
Cơ cấu (%)					
Nông nghiệp	19.5	18.9	18.5	18.0	17.6
Công nghiệp & Xây dựng	38.0	38.2	38.4	38.6	38.6
Dịch vụ	42.6	42.9	43.1	43.4	43.9
Tăng trưởng GDP (%)					
Toàn nền kinh tế	5.4	6.4	6.2	5.2	5.4
Nông nghiệp	1.9	3.3	4.0	2.7	2.7
Công nghiệp & Xây dựng	6.0	7.2	6.7	5.7	5.4
Dịch vụ	6.5	7.2	6.8	5.9	6.6
Đầu tư					
Tổng đầu tư (theo giá 2010, tỷ đồng)	762,843	830,278	770,087	785,755	808,148
Cơ cấu đầu tư (%)					
Chính phủ	41.8	38.1	37.3	37.5	40.3
Tư nhân	32.7	36.1	38.7	38.8	37.6
Vốn nước ngoài	25.6	25.8	24.0	23.7	22.0
Đầu tư/GDP (%)					
Toàn nền kinh tế	37.6	38.5	33.6	32.6	31.8
Chính phủ	15.7	14.7	12.5	12.2	12.8
Tư nhân	12.3	13.9	13.0	12.6	11.9
Vốn nước ngoài	9.6	9.9	8.1	7.7	7.0
Lạm phát (theo CPI, %)	6.5	11.8	18.1	6.8	6.0
Cán cân thanh toán (tỷ USD)					
Xuất khẩu	57.1	72.2	96.9	114.5	132.2
Nhập khẩu	69.9	84.8	106.7	113.8	131.3
Cán cân thương mại	(12.9)	(12.6)	(9.8)	0.7	0.9
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	10.0	11.0	11.0	10.5	11.5
GDP danh nghĩa (tỷ đồng)	1,809,149	2,157,828	2,779,880	3,245,419	3,584,261
Tỉ giá hối đoái (VND/USD, trung bình)	17,065	18,613	20,490	20,828	21,019
GDP tính theo USD (tỷ USD)	106.0	115.9	135.7	155.8	170.5

Nguồn: Theo Tổng cục Thống kê

2. Hoạt động môi giới

2.1 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng cá nhân:

Trong năm 2013, vượt qua những khó khăn chung của thị trường chứng khoán Việt nam và tình hình kinh tế vĩ mô chưa ổn định, ACBS vẫn phát triển mạnh mẽ và đạt hiệu quả kinh doanh cao, đứng vị trí thứ 3 về thị phần môi giới chứng khoán niêm yết tại cả hai sàn HOSE và HNX (6.17%). Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của ACBS lần lượt tại SGDCK TP.HCM là 6.46% và tại SGDCK Hà Nội là 5.26 %.

Với hệ thống giao dịch chứng khoán luôn được vận hành an toàn, minh bạch tạo được sự tin tưởng của khách hàng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các rủi ro; chất lượng báo cáo nghiên cứu và phân tích cũng không ngừng được hoàn thiện và nâng cao luôn được khách hàng đánh giá cao.

Trong năm qua, hoạt động cạnh tranh về thị phần môi giới của các CTCK diễn ra rất quyết liệt và một số công ty chứng khoán phải thu hẹp hoạt động và rời bỏ thị trường. Với kinh nghiệm hoạt động thực tế nhiều năm, ACBS đã thực hiện nhiều biện pháp, chính sách đa dạng, phù hợp với từng thời điểm và nhu cầu của thị trường, nhằm củng cố và gia tăng thị phần.

- Phát triển các gói sản phẩm tài chính phục vụ cho nhu cầu của từng nhóm khách hàng chuyên biệt.
- Hoàn thiện quy chế hoa hồng môi giới, khuyến khích NVMG-TVĐT phát huy năng lực và chi trả hoa hồng phù hợp với năng suất, hiệu quả làm việc thực tế của NV MG-TVĐT.
- Xây dựng chính sách đào tạo, tái đào tạo và định hướng phát triển nghề nghiệp của NV MG-TVĐT và các bộ phận nghiệp vụ khác.
- Bổ sung thông tin cần thiết, tăng cường kết nối trao đổi thông tin trong toàn công ty giúp đội ngũ MG-TVĐT tư vấn khách hàng tốt hơn.

2.2 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng tổ chức:

Năm 2013 là năm ghi nhận khá ấn tượng đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, dòng vốn ngoại vẫn rót chủ yếu là các doanh nghiệp vốn hóa lớn. Thị trường dần đi vào ổn định và xác nhận xu hướng tăng trưởng dài hạn. Với ưu thế về công nghệ cũng như đội ngũ nhân viên tận tâm, chuyên nghiệp, ACBS đã đồng hành với các tổ chức định chế trong và ngoài nước. Số lượng khách hàng mới mở tài khoản giao dịch tại ACBS tăng cùng với mức tăng doanh thu ấn tượng.

Năm 2013, ACBS đã thành công triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài giao dịch chứng khoán với công ty. Thông qua hệ thống SWIFT, các giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại ACBS sẽ được ghi nhận và phong toả tự động, an toàn, rõ ràng và minh bạch tại ngân hàng lưu ký. Thời gian thực hiện giao dịch của ACBS cũng như các rủi ro phát sinh trong quá trình giao dịch được giảm thiểu.

Để tiếp tục giữ vững những thành quả, năm 2014 ACBS đã có kế hoạch đầu tư mạnh vào hệ thống công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng thực hiện giao dịch nhanh nhất, tốt nhất. Bên cạnh đó, ACBS cũng tiếp tục mở rộng thị trường, phát triển đội ngũ chuyên viên năng động theo sát nhu cầu khách hàng thông qua việc tăng số lượng các cuộc tiếp xúc giữa khách hàng và doanh nghiệp, tăng cường thăm viếng khách hàng. Về khách hàng mục tiêu chúng tôi sẽ tập trung phát triển khách hàng ở

những thị trường tiềm năng như thị trường Nhật Bản, Singapore, Hồng Kông, Malaysia, châu Âu và châu Mỹ.

3. Hoạt động đầu tư chứng khoán năm 2013

Trong năm 2013 thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều khởi sắc và giao dịch sôi động hơn so với năm trước. Kết thúc phiên giao dịch năm 2013, VN-Index đạt mức 504,63 điểm, tăng 21,97% so với năm 2012 và HNX-Index ghi nhận mức tăng 18,83%, chốt năm ở mức 67,84 điểm. VN-Index biến động quanh ngưỡng 500 điểm, mức điểm cao nhất đạt được là 528 điểm vào ngày 7/6/2013.

Tình hình đầu tư năm 2013 như sau:

- Tổng giá trị đầu tư tài chính ngắn hạn tính đến 31/12/2013: 399,9 tỷ đồng
- Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn : 378,3 tỷ đồng
- Tổng giá trị đầu tư tài chính : 788,2 tỷ đồng**

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán đạt 239,27 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn và sẵn sàng bán: 148,5 tỷ đồng.
- Thu nhập cổ tức và trái tức : 80,26 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư: 4,87 tỷ đồng.
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con: 5,63 tỷ đồng

Tuy nhiên, ACBS cũng cơ cấu lại danh mục đầu tư để phù hợp với tình hình thị trường và đã ghi nhận khoản lỗ như sau:

- Lỗ từ thanh lý chứng khoán: (235,62) tỷ đồng.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán: 71,48 tỷ đồng.

Tóm lại, mặc dù diễn biến thị trường chứng khoán không thuận lợi nhưng hoạt động đầu tư vẫn là một hoạt động đóng góp một khoản lợi nhuận cho ACBS trong năm 2013

4. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tư vấn tài chính doanh nghiệp là nhân tố quan trọng trong mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư của ACBS. Với thế mạnh về mạng lưới phân phối, năng lực tài chính và đội ngũ tư vấn được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có nhiều kinh nghiệm làm việc trong các tổ chức tài chính, hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của ACBS luôn nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng. Năm 2013, ACBS đã triển khai gần 80 hợp đồng tư vấn có nội dung đa dạng bao gồm tư vấn thu xếp tài chính (vốn cổ phần, trái phiếu, nợ vay), tư vấn phát hành, tư vấn bán

đấu giá, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, mua bán sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn khác.

ACBS - tổ chức tài chính trung gian đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp.

Hoạt động thu xếp vốn là một trong những thế mạnh của ACBS: với hệ thống khách hàng định chế rộng lớn và sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ - ACB, ACBS tiến hành các đợt thu xếp vốn qua nhiều hình thức khác nhau cho các khách hàng có nhu cầu về vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu tài chính. Trong năm 2013, ACBS đã tiếp tục thu xếp thành công 146 tỷ đồng trái phiếu cho Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

ACBS – nhà tư vấn chuyên nghiệp và hiệu quả.

Trên cơ sở nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm dày dặn trên thị trường chứng khoán, ACBS luôn nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng với tư cách là **Cộng sự đắc lực và hiệu quả.**

- **Tư vấn phát hành:** Cùng với nhu cầu vốn cho mở rộng hoạt động và dự án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, ACBS cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trọn gói từ thực hiện tái cấu trúc vốn, xác định nhu cầu vốn hợp lý và xây dựng phương án phát hành, định giá và lập hồ sơ phát hành theo đúng quy định pháp luật. Điển hình trong năm 2013, ACBS đã thu xếp thành công 110 tỷ đồng cho Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng Kiên Giang trong đợt chào bán ra công chúng góp phần phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Tư vấn bán đấu giá cổ phần:** Năm 2013, ACBS đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn Nhà nước tại nhiều doanh nghiệp bao gồm: Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo, CTCP Tư vấn XD Bình Thuận, CTCP Sách và Thiết Bị TH Lâm Đồng; CTCP Điện tử ảnh màu Nha Trang và một số Công ty không thuộc SCIC như Công ty Du Lịch Lâm Đồng; Công ty TNHH MTV XD & PT Hạ Tầng. Kết quả khả quan này đã góp phần khẳng định năng lực của ACBS trong việc tổ chức và thu hút nhà đầu tư đến với các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.
- **Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A):** Năm 2013, ACBS đã tư vấn thành công cho Công ty cổ phần cơ khí – vận tải – thương mại Đại Hưng sáp nhập với Công ty CP Hưng Đạo Container.

Dự án tiêu biểu năm 2013

Tên khách hàng	Dịch vụ ACBS cung cấp
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI	Tư vấn phát hành trái phiếu

	
<p>CÔNG TY TNHH MTV PT & DT THIÊN NGÂN</p>	<p>Tư vấn phát hành trái phiếu</p>
<p>CTCP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KIÊN GIANG</p> 	<p>Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng Tổng giá trị vốn huy động: 110 tỷ đồng</p>
<p>SCIC</p> 	<p>Tư vấn bán đấu giá cổ phần tại các doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hào - CTCP Tư vấn XD Bình Thuận - CTCP Sách và Thiết Bị TH Lâm Đồng - CTCP Điện tử ảnh màu Nha Trang
<p>CÔNG TY CP HƯNG ĐẠO CONTAINER</p> 	<p>Tư vấn sáp nhập với Công ty cổ phần cơ khí – vận tải – thương mại Đại Hưng</p>

Kế hoạch năm 2014

ACBS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn và thu xếp vốn cho các doanh nghiệp; với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính cùng với mạng lưới nhà đầu tư rộng lớn, ACBS tin tưởng sẽ tạo nên các giá trị cộng thêm cho khách hàng của mình.

5. Nghiên cứu & Phân tích

Trung tâm Phân tích được thành lập với mục đích cung cấp đến khách hàng của ACBS cũng như đơn vị nội bộ báo cáo phân tích đa dạng, toàn diện và độc lập liên quan đến vấn đề kinh tế và thị trường cổ phiếu, trái phiếu. Nhằm thực hiện mục tiêu trên, Trung tâm Phân tích ACBS tiếp tục cam kết với

những chuẩn mực cao nhất của nghiệp vụ phân tích: **Cẩn trọng, Trung thực và Độc lập.**

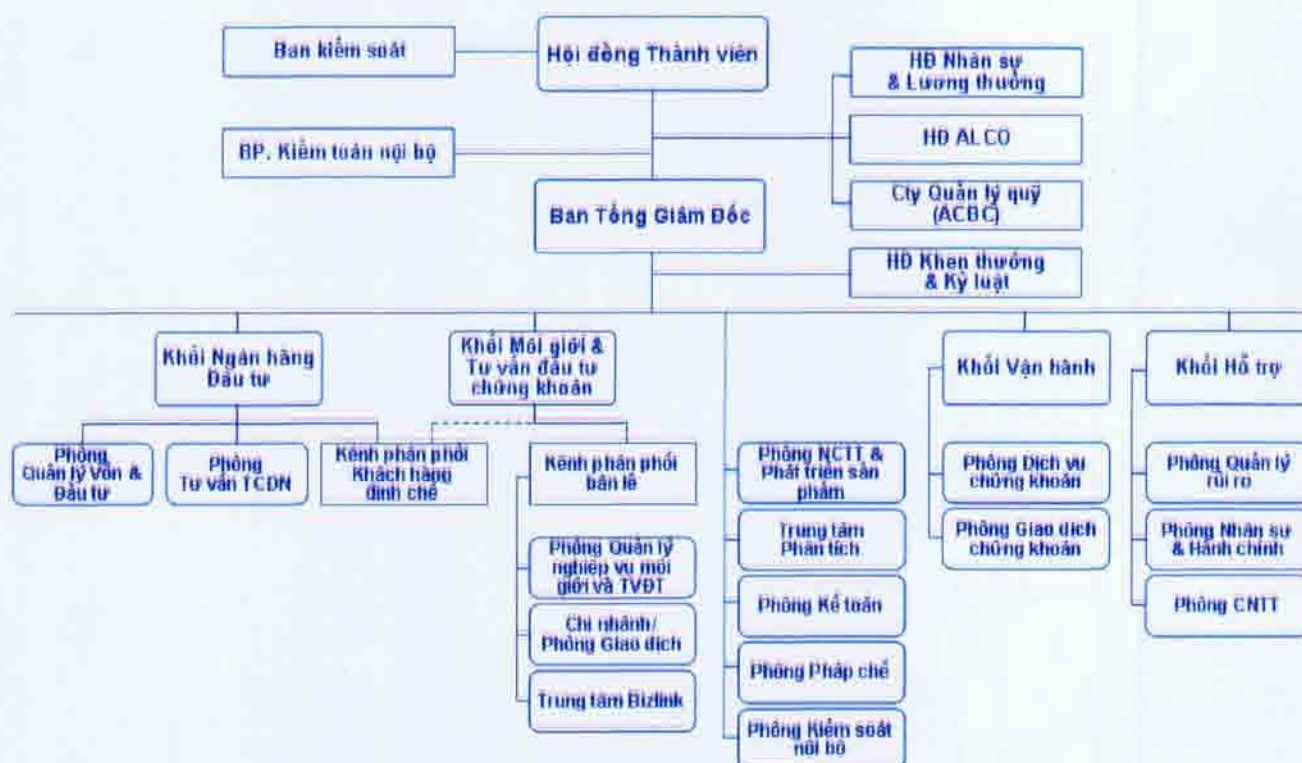
Năm 2013 là một năm tương đối trầm lắng của Trung tâm phân tích ACBS. Danh sách theo dõi khoảng 40 cổ phiếu, trong đó sản phẩm chủ yếu là các báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh hàng quý. Hai Giám đốc Trung tâm phân tích và 6 nhân viên phân tích đã nghỉ việc và 3 chuyên viên được tuyển mới. Trong Quý 1-2014 Công ty đã tuyển một Giám đốc có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm làm việc quốc tế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như năng lực làm việc của phòng. Mục tiêu sắp tới là trở thành một trong những đội ngũ phân tích hàng đầu do nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đánh giá.

Trong năm 2014, Trung tâm Phân tích ACBS sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao chất lượng và số lượng báo cáo phân tích nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Trong quá trình phát triển, những thành tựu mà ACBS đạt được là sự cống hiến của tập thể cán bộ quản lý và nhân viên của công ty. ACBS cũng nhận thức rõ nguồn nhân lực là tài sản quý giá của công ty. Do đó, ACBS luôn hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả để mọi thành viên có điều kiện phát huy năng lực và kiến thức của mình, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy tinh thần học hỏi, chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong công ty.

1. Sơ đồ tổ chức



2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát

2.1 Hội đồng Thành viên

Ông BÙI TẤN TÀI – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Bùi Tấn Tài tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Nam California - Hoa Kỳ, Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Ông vào làm việc tại ACB năm 1995, từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Phòng Thẩm định Tín dụng, Trưởng Phòng Hỗ trợ Tín dụng, Phó Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc chi nhánh. Ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc năm 2007. Hiện nay ông là Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp, thành viên thường trực Ủy ban Tín dụng, ủy viên Hội đồng Đầu tư, ủy viên Hội đồng Xử lý rủi ro ACB. Ông được bổ

nhệm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB từ tháng 09/2012.

Ông PHẠM PHÚ KHÔI – Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Phạm Phú Khôi là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Tài chính Trường Wharton, Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), cử nhân Kinh tế Hàng không Trường Đại học Hàng không Dân dụng Riga (Liên Xô cũ). Ông đã có hơn 10 năm làm việc trong ngành Hàng không Việt Nam với vị trí Giám đốc khu vực Đông Bắc Á. Ông làm việc trong ngành Tài chính từ năm 1999, với hơn 13 năm kinh nghiệm trong ngành, Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các Ngân hàng hàng đầu tại nhiều quốc gia như Chuyên viên đầu tư Ngân hàng Đầu tư Barclay - London, Hong Kong; Giám đốc đầu tư giao dịch Tín dụng Quốc tế - Khu vực Châu Á Ngân hàng Standard Chartered - Singapore; Giám đốc khu vực Việt Nam Ngân hàng America Merrill Lynch - Singapore. Hiện nay, Ông là thành viên Hội đồng thành viên, và đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ông LÊ BÁ DŨNG – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Lê Bá Dũng tốt nghiệp chương trình Edison và Chương trình phát triển lãnh đạo toàn cầu của Công ty GE. Ông cũng tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Cơ điện Trường Đại học New York (Hoa Kỳ) và Thạc sĩ Quan hệ quốc tế Trường Đại học Georgetown (Hoa Kỳ). Trước khi làm việc tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), ông là Giám đốc điều hành và Giám đốc Quản lý rủi ro mảng dịch vụ y tế tại GE Capital Asia Pacific thuộc GE Capital và sau đó là Giám đốc Quản lý rủi ro toàn cầu về hợp nhất và sáp nhập (M&A) của Khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng Standard Chartered.

Hiện nay, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, thành viên Ủy Ban Quản lý rủi ro, thành viên Ủy Ban tín dụng, thành viên ALCO, thành viên Hội đồng Công Nghệ Thông Tin, thành viên Hội Đồng Xử Lý Nợ Xấu tại ACB và là thành viên Hội Đồng Thành Viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

Ông VIJAY MAHESHWARI – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Vijay Maheshwari tốt nghiệp đại học năm 1987 với học vị Cử nhân Thương mại (hạng danh dự) của Trường Đại học Calcutta, Ấn Độ. Ông cũng là thành viên của Viện Kế toán công chứng Ấn Độ (Institute of Chartered Accountants of India) từ năm 2001. Trước khi làm việc tại ACB, ông là Chủ tịch Hiệp hội Các nhà ngân hàng nước ngoài tại Indonesia, là kế toán viên công chứng với 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng

Standard Chartered. Hiện nay ông giữ vị trí Giám đốc Tài chính ACB, thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ông TRẦN TRỌNG KIÊN – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Trần Trọng Kiên tốt nghiệp Cử nhân tiếng Anh tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Tổng hợp Hawaii. Ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong quá trình công tác tại Công ty TNHH du lịch Đổng Đa, Lữ hành Chợ Lớn, Victoria Hotels, Jetwing Indochina. Ông được Hội đồng quản trị ACB đề cử và Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh Thành viên HĐQT ngày 26/12/2012. Hiện nay, ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch Thiên Minh, thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

2.2 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của ACBS đến thời điểm hiện tại có 1 thành viên là Kiểm soát viên

Ông HUỖNH HIẾU NGHĨA – Kiểm soát viên

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Cao cấp Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh và có hơn 21 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện nay cũng đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

2.3 Các hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát:

Năm 2013 là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán, do đó ngoài các buổi họp định kỳ theo quy định, HĐQT ACBS còn phải thường xuyên có những chỉ đạo sâu sát, kịp thời để ACBS có thể vượt qua những khó khăn này.

Các nội dung chính đã được HĐQT quyết định trong năm 2013, bao gồm:

- Thông qua việc triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ,
- Thông qua việc huy động vốn cho ACBS dưới hình thức phát hành trái phiếu,
- Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động của ACBS cho phù hợp với tình hình mới.

2.4 Thay đổi thành viên HĐQT, Ban TGD và kiểm soát viên:

Trong năm qua, Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát của ACBS đã được ổn định. Nhằm đẩy mạnh hoạt động quản trị ACBS theo định hướng mới,

Ngân hàng Á Châu (ACB) đã bổ nhiệm bổ sung 01 thành viên trong Hội đồng Thành viên là ông Trần Trọng Kiên.

Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng bằng những kinh nghiệm sâu rộng về phát triển thị trường, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát hoạt động, các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát mới sẽ mang lại cho ACBS sự phát triển mạnh mẽ trong kết quả kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát được các yếu tố rủi ro mà ACBS có thể đương đầu trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động.

3. Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Phú Khôi – Tổng Giám Đốc (xem thông tin thành viên HĐQT)

Ông Nguyễn Ngọc Chung – Phó Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung có 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng, trong đó có hơn 18 năm kinh nghiệm quản lý tại những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Ông Nguyễn Ngọc Chung đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc của ACBS từ năm 2005, phụ trách quản lý Khối Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bà Lê Thị Phương Dung – Phó Tổng Giám Đốc

Bà Lê Thị Phương Dung tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế (Trường Đại học Kinh tế TP.HCM), Cử nhân Anh Văn (Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM) và có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Lê Thị Phương Dung có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo ở những vị trí quan trọng tại Ngân hàng ACB.

Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về vận hành trong hệ thống Ngân hàng ACB, hiện nay, Bà Lê Thị Phương Dung đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc ACBS – phụ trách Khối Vận hành và một số đơn vị thuộc Khối Hỗ trợ.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số cán bộ, nhân viên của ACBS là **222** người.

Trong đó có **181** nhân viên đã được hoặc đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán, **14** nhân viên có chứng chỉ đại diện sản các loại. Ngoài ra, ACBS còn thu hút được nhân sự là các nhà quản lý, chuyên viên có quốc tịch nước ngoài hoặc được đào tạo ở nước ngoài và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong các tập đoàn tài chính lớn của Việt Nam.

5. Chính sách dành cho nhân viên

5.1 Chính sách đào tạo

ACBS luôn chú trọng đẩy mạnh hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên. Trong năm qua, ACBS đã tăng cường tổ chức cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo:

- Các chương trình đào tạo nội bộ: Quản lý quyền mua phát hành thêm, Sản phẩm quỹ mở, Nghiệp vụ thu phí lưu ký,...cho các chức danh tại kênh phân phối nhằm đảm bảo năng lực, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhận.

- Tổ chức cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Kỹ năng đàm phán, Kỹ năng phục vụ khách hàng với lòng đam mê, Kỹ năng quản lý khách hàng VIP,...nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, kỹ năng bán hàng vượt trội và phục vụ khách hàng với chất lượng cao. Các chương trình đào tạo kỹ năng dành cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân sự kế thừa.

- Tài trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tất cả nhân viên nghiệp vụ trong hệ thống.

- Tài trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, IBM Storwize V7000, Mạng CISCO nâng cao, các khóa học Quản trị Nhân sự, ... nhằm bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ chuyên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý.

5.2 Chế độ khen thưởng

Chính sách khen thưởng cho nhân viên của ACBS được dựa trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ khách hàng.

Ngoài chính sách lương cơ bản, lương kinh doanh, lương tháng 13, và các khoản thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng, ACBS cũng chú trọng xây dựng và hoàn thiện chính sách thưởng cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân tài cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh cũng như toàn thể nhân viên.

5.3 Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo tính chất, vị trí công việc đảm nhận mà nhân viên của ACBS còn nhận được các phụ cấp khác theo quy định của công ty.

5.4 Chế độ khác

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, ACBS cũng thể hiện sự quan tâm đến đời sống CB-CNV thông qua các khoản phúc lợi như chính sách mua bảo hiểm tai nạn; chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện "ACB Care"; hỗ trợ chi phí thành viên Câu lạc bộ sức khỏe; hỗ trợ phụ cấp sinh hoạt phí; cấp phát

trung phục làm việc và chế độ nghỉ mát hàng năm, cho vay lãi suất ưu đãi...

6. Kế hoạch phát triển và đào tạo nhân viên năm 2014

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh thông qua các chương trình đào tạo nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết.

Tài trợ đào tạo chứng chỉ hành nghề cho tất cả các nhân viên nghiệp vụ.

Liên tục đào tạo cập nhật các kỹ năng mềm cho nhân viên, tài trợ các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo đặc thù công việc, nâng cao kiến thức cho Nhân viên.

Hỗ trợ đào tạo các chứng chỉ chuyên môn quốc tế như CFA, CMT, ACCA...cho các chức danh chuyên môn có liên quan.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012
(Xem tài liệu đính kèm)
2. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012
(Xem tài liệu đính kèm)



Phạm Phú Khải
TỔNG GIÁM ĐỐC

VIII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Hội sở ACBS

107 N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 54.043.054

Fax: (08) 54.043.085

2. Chi nhánh Lê Ngô Cát

9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.302.428 – (08) 39.302.427 – (08) 39.302.426 – (08) 39.302.425

Fax: (08) 39.330.427

3. Chi nhánh Phan Đình Phùng

51 Phan Đình Phùng, P.17, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Điện thoại: (08) 54.046.636 – 54.046.34 – 54.046.635 – 54.046.638 - 54.046.639 -
54.046.641

Fax: (08) 54.046.648

4. Chi nhánh Sài Gòn

27B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.107.383 – (08) 39.107.380 – (08) 39.107.381

Fax: (08) 39.107.382

5. Chi nhánh Tân Bình

29 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.717.067 – (08) 39.717.066 – (08) 39.717.068 – (08) 39.717.069

Fax: (08) 39.717.081

6. Chi nhánh Chợ Lớn

747 Hồng Bàng, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.695.548

Fax: (08) 39.695.543

7. Chi nhánh Vũng Tàu

Lô A3-A8 111 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3.597.100

Fax: (064) 3.597.101

8. Chi nhánh Cần Thơ

17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3 824.510 – (0710) 3.825.625

Fax: (0710) 3.825.628

9. Chi nhánh Đà Nẵng

218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3.843.447

VIII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Hội sở ACBS

107 N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 54.043.054

Fax: (08) 54.043.085

2. Chi nhánh Lê Ngô Cát

9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.302.428 – (08) 39.302.427 – (08) 39.302.426 – (08) 39.302.425

Fax: (08) 39.330.427

3. Chi nhánh Phan Đình Phùng

51 Phan Đình Phùng, P.17, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Điện thoại: (08) 54.046.636 – 54.046.34 – 54.046.635 – 54.046.638 - 54.046.639 -
54.046.641

Fax: (08) 54.046.648

4. Chi nhánh Sài Gòn

27B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.107.383 – (08) 39.107.380 – (08) 39.107.381

Fax: (08) 39.107.382

5. Chi nhánh Tân Bình

29 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.717.067 – (08) 39.717.066 – (08) 39.717.068 – (08) 39.717.069

Fax: (08) 39.717.081

6. Chi nhánh Chợ Lớn

747 Hồng Bàng, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.695.548

Fax: (08) 39.695.543

7. Chi nhánh Vũng Tàu

Lô A3-A8 111 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3.597.100

Fax: (064) 3.597.101

8. Chi nhánh Cần Thơ

17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3 824.510 – (0710) 3.825.625

Fax: (0710) 3.825.628

9. Chi nhánh Đà Nẵng

218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3.843.447

Fax: (0511) 3.843.445

10. Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3.528.179

Fax: (058) 3.528.188

11. Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (04) 39.429.395 - (04) 39.429.396 – (04) 39.429.405 – (04) 39.429.237 –
(04) 39.427.395

Fax: (04) 39.429.407 – (04) 39.429.656 – (04) 39.364.373

12. Chi nhánh Huỳnh Thúc Kháng

29 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (04) 39.334.780 – (04) 39.334.781 – (04) 39.334.782

Fax: (04) 39.334.785

13. Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3.569.998 – (031) 3.569.995

Fax: (031) 3.569.989

14. Chi nhánh Quảng Ninh

747-749 Lê Thánh Tông, Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: (033) 3.818.808 - 3.818.299

Fax: (033) 3.818.881 – 3.818.882

15. Phòng giao dịch Bình Hòa 2

256 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62.978.612

Fax: (08) 62.978.613

16. Phòng giao dịch Phú Thọ

455 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38.638.467

Fax: (08) 38.636.240

17. Phòng giao dịch Phú Lâm

391A Kinh Dương Vương, P.12, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38.779.813

Fax: (08) 38.779.814

18. Phòng giao dịch Châu Văn Liêm

130 -132 Châu Văn Liêm, P.11, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.508.450

Fax: (08) 39.508.452

19. Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.05, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38.344.527

Fax: (08) 38.343.981



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
Đăng ký Kinh doanh số	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên	Ông Bùi Tấn Tài	Chủ tịch
	Ông Vijay Maheswari	Thành viên
	Ông Phạm Phú Khôi	Thành viên
	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
		(từ ngày 11 tháng 7 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Khôi	Tổng Giám đốc
		(từ ngày 28 tháng 1 năm 2013)
	Ông Nguyễn Ngọc Chung	Quyền Tổng Giám đốc
		(đến ngày 28 tháng 1 năm 2013)
	Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 28 tháng 1 năm 2013)
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

107N Trương Định
Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Chợ lớn

747 Hồng Bàng
Phường 6, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Phan Đình Phùng

51 Phan Đình Phùng
Phường 17, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Sài Gòn

27B Nguyễn Đình Chiểu
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình

29 Lý Thường Kiệt
Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Lê Ngô Cát

9 Lê Ngô Cát
Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Huỳnh Thúc Kháng

29 Huỳnh Thúc Kháng
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu
Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Chi nhánh Quảng Ninh

747 - 749 Lê Thánh Tông
Phường Bạch Đằng
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung
Phường Lộc Thọ
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu

111 Hoàng Hoa Thám
Phường 2
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ

17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường Tân An, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch

10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 7 đến 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 11 tháng 4 năm 2013.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-234/2




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		2.065.006.099.177	3.716.443.674.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	171.699.203.874	579.088.793.536
Tiền	111		171.699.203.874	578.588.793.536
Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	447.272.004.006	1.963.736.482.275
Đầu tư ngắn hạn	121		674.750.680.470	2.228.565.900.733
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(227.478.676.464)	(264.829.418.458)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.410.547.908.252	1.150.311.844.640
Trả trước cho người bán	132		4.877.399.600	80.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.048.730.000	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	71.874.463.725	401.823.425.124
Các khoản phải thu khác	138	8	1.340.365.597.897	749.331.543.466
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(7.618.282.970)	(931.332.950)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.486.983.045	23.306.554.228
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		546.554.225	731.730.937
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.570.421	25.576.464
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		34.830.358.399	22.413.846.827
Tài sản ngắn hạn khác	158		48.500.000	135.400.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		403.657.441.906	570.647.763.560
Tài sản cố định	220		50.446.147.463	56.695.614.484
Tài sản cố định hữu hình	221	10	50.441.372.474	56.185.688.641
Nguyên giá	222		81.312.896.788	94.828.736.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.871.524.314)	(38.643.047.753)
Tài sản cố định vô hình	227	11	4.774.989	509.925.843
Nguyên giá	228		2.537.629.746	2.481.127.984
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.532.854.757)	(1.971.202.141)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	334.417.385.968	492.430.176.279
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		200.000.000.000	200.501.540.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	200.501.540.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		150.344.515.860	341.981.805.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15.927.129.892)	(50.053.169.581)
Tài sản dài hạn khác	260		18.793.908.475	21.521.972.797
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.072.781.272	1.779.866.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	-	5.250.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	14	15.644.000.003	13.144.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	15	1.077.127.200	1.348.106.396
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.468.663.541.083	4.287.091.438.239

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		789.132.785.734	2.608.011.727.121
Nợ ngắn hạn	310		789.132.785.734	1.608.011.727.121
Nợ ngắn hạn	311	16	500.000.000.000	700.000.000.000
Phải trả người bán	312		24.776.095	61.776.795
Người mua trả tiền trước	313		-	22.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	2.925.961.098	5.724.807.092
Phải trả người lao động	315		10.108.360.500	8.823.196.000
Chi phí phải trả	316	18	5.416.510.317	277.780.748.360
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	183.959.266.295	563.624.296.907
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	20	82.558.318.588	49.407.121.215
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3.309.047.069	1.786.989.083
Doanh thu chưa thực hiện	328		830.545.772	780.791.669
Nợ dài hạn	330		-	1.000.000.000.000
Nợ dài hạn	334	21	-	1.000.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.679.530.755.349	1.679.079.711.118
Vốn chủ sở hữu	410		1.679.530.755.349	1.679.079.711.118
Vốn góp	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	22	72.725.448.008	67.509.974.614
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	93.975.347.223	88.610.345.260
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.829.960.118	22.959.391.244
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.468.663.541.083	4.287.091.438.239

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	685.808.890.000	2.527.191.910.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	15.774.758.180.000	21.771.383.170.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	9.766.117.640.000	16.052.921.630.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	211.644.800.000	551.318.400.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	9.290.211.710.000	15.257.036.610.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	264.261.130.000	244.566.620.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	92.185.420.000	327.584.060.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	20.000.000.000	20.000.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	58.328.300.000	296.851.940.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	13.857.120.000	10.732.120.000
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	4.184.524.660.000	3.770.541.110.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	4.184.524.660.000	3.770.541.110.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	235.069.520.000	873.230.760.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.514.300.000	247.104.580.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	233.555.220.000	625.614.780.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	511.400.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	11.807.630.000	4.262.160.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	40.000	90.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	11.030.440.000	4.262.070.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	777.150.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)			
6.8 <i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	1.485.053.310.000	742.843.450.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	1.485.053.310.000	742.843.450.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	1.736.639.220.000	866.692.060.000
Trong đó:			
7.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	051	1.007.896.610.000	814.424.810.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	6.081.100.000	6.077.120.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	998.819.490.000	807.253.700.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	2.996.020.000	1.093.990.000
7.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056	1.361.550.000	530.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	1.361.550.000	530.000.000
7.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	061	733.246.510.000	57.550.250.000
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	733.246.510.000	57.550.250.000
7.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071	209.550.000	262.000.000
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	209.550.000	262.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	7.024.609.330.000	7.292.940.570.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	203.008.170.000	266.124.700.000

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 02 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Doanh thu	01		465.410.818.152	758.378.730.810
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		85.660.068.793	105.946.267.156
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	23	233.947.629.373	561.779.113.808
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.499.860.443	1.476.631.125
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		6.661.685.097	2.728.008.325
Doanh thu khác	01.9	24	136.641.574.446	86.448.710.396
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.013.031	1.080.884.153
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		465.408.805.121	757.297.846.657
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	25	306.875.328.072	592.612.224.489
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		158.533.477.049	164.685.622.168
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	40.627.812.632	42.088.723.746
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		117.905.664.417	122.596.898.422
Thu nhập khác	31	27	1.647.180.500	5.162.197.309
Chi phí khác	32	28	318.661.820	586.015.786
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.328.518.680	4.576.181.523
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		119.234.183.097	127.173.079.945
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.316.354.332	10.832.264.589
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	5.250.000.000	2.679.438.913
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		101.667.828.765	113.661.376.443

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	119.234.183.097	127.173.079.945
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.799.729.149	7.753.172.779
Các khoản dự phòng	03	(64.447.431.663)	67.404.000.898
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(139.623.064.870)	(359.074.179.624)
Chi phí lãi	06	72.922.027.773	233.739.111.117
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(6.114.556.514)	76.995.185.115
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	1.295.924.794.745	(1.217.721.077.080)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(447.366.753.692)	347.019.501.489
Biến động các khoản trả trước	12	950.181.963	1.073.174.578
Tiền lãi đã trả	13	(345.651.000.002)	(192.654.166.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(33.132.846.811)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(821.173.194)	(2.241.114.688)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	496.921.493.306	(1.020.661.344.064)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(625.990.150)	(2.948.322.192)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	17.818.182	816.554.269
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(9.077.746.225)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	316.453.070.000	1.219.721.528.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	179.844.019.000	399.815.944.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	295.688.917.032	1.608.327.958.224

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33	200.000.000.000	1.000.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(1.400.000.000.000)	(1.500.000.000.000)
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	36	-	(191.577.676.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.200.000.000.000)	(691.577.676.549)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(407.389.589.662)	(103.911.062.389)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	579.088.793.536	682.999.855.925
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	171.699.203.874	579.088.793.536

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

	2013 VND	2012 VND
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh 8)	475.316.726.990	-

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 05 - CTCK

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.500.000.000.000	61.804.643.173	82.758.110.257	3.383.323.608	1.647.946.077.038
Trích lập quỹ trong năm	-	5.705.331.441	5.852.235.003	(11.557.566.444)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	113.661.376.443	113.661.376.443
Lợi nhuận công bố chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(82.527.742.363)	(82.527.742.363)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.500.000.000.000	67.509.974.614	88.610.345.260	22.959.391.244	1.679.079.711.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	101.667.828.765	101.667.828.765
Trích lập quỹ trong năm	-	5.215.473.394	5.365.001.963	(10.580.475.357)	-
Lợi nhuận công bố chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(101.216.784.534)	(101.216.784.534)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	12.829.960.118	1.679.530.755.349

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, một ngân hàng thương mại cổ phần thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Công ty và công ty con được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 239 nhân viên (31/12/2012: 266 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư, giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được phản ánh riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Chứng khoán thương mại

Phân loại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Do lường

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

Đo lường

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi khi giá hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn này khi chưa lập dự phòng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(h) Các khoản phải thu

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị quản lý	3 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 6 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf

Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Tập đoàn, là bên sử dụng lao động, phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

Cho đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng trên cơ sở ước tính tốt nhất nghĩa vụ nợ phải trả của Tập đoàn.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 328.628.509 VND vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Các quỹ dự trữ pháp định

(i) Công ty

Theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp không được phép phân phối và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”)

Theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này và được sử dụng để bù lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính này không bắt buộc và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

(q) Hợp đồng hợp tác đầu tư

Tập đoàn chuyển tiền cho đơn vị hợp tác đầu tư và đơn vị hợp tác đầu tư dùng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán niêm yết thay cho Tập đoàn theo các điều kiện của hợp đồng hợp tác đầu tư. Các tài sản và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán về cách ghi nhận và phân loại áp dụng cho các tài sản và nghĩa vụ tương ứng của Tập đoàn.

Các khoản lãi/lỗ do việc bán các chứng khoán niêm yết từ các hợp đồng hợp tác đầu tư này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Dự phòng giảm giá chứng khoán từ hợp đồng hợp tác đầu tư này được xác định theo phương pháp dùng để xác định dự phòng giảm giá đầu tư như đã đề cập ở các thuyết minh 3(e) và 3(g).

(r) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.099.033	5.828.731
Tiền gửi ngân hàng	171.697.104.841	578.582.964.805
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>82.500.762.588</i>	<i>47.904.625.215</i>
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	171.699.203.874	579.088.793.536

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

5. Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm		Giá trị giao dịch thực hiện trong năm	
	2013	2012	2013 VND	2012 VND
a) Của Tập đoàn				
Cổ phiếu	73.273.104	62.131.016	1.182.763.899.176	1.071.528.983.200
Trái phiếu	200.000	4.000.000	200.000.000.000	373.560.000.000
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.248.093.757	3.387.041.739	42.388.978.963.270	45.595.868.608.330
Trái phiếu	105.937.762	74.478.679	11.418.568.064.822	7.637.360.835.585
Chứng chỉ quỹ	6.254.300	9.300.530	75.896.656.000	63.160.067.000
	3.433.758.923	3.536.951.964	55.266.207.583.268	54.741.478.494.115

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá trị trường Tăng (Giảm) VND		Giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng VND	(Giảm) VND	
I. Chứng khoán thương mại	21.717.617	674.750.680.470	25.218.721	(227.478.676.464)	447.297.222.727
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	21.441.800	516.381.798.195	24.774.721	(225.795.708.216)	290.610.864.700
HTI	13.020.640	249.068.417.527	-	(183.965.217.527)	65.103.200.000
VCB (f)	8.408.616	267.117.972.208	-	(41.767.063.408)	225.350.908.800
Khác	12.544	195.408.460	24.774.721	(63.427.281)	156.755.900
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	275.817	6.018.882.275	444.000	(1.682.968.248)	4.336.358.027
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	231.132	3.608.852.646	-	-	3.608.852.646
Khác	685	10.029.629	444.000	(4.568.248)	5.905.381
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (d)	Không áp dụng	152.350.000.000	-	-	152.350.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá trị tăng VND	Giá trị theo giá thị trường VND
I. Chứng khoán thương mại	63.022.841	2.228.565.900.733	143.625.481.658	2.107.361.963.933
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	<i>60.627.328</i>	<i>1.179.774.593.474</i>	<i>30.104.602.394</i>	<i>946.729.972.400</i>
EIB	34.901.275	530.492.972.548	30.096.428.623	547.950.017.500
HTI	13.020.640	249.068.417.527	-	53.384.624.000
VCB (f)	12.694.033	400.025.968.618	-	345.277.697.600
Khác	11.380	187.234.781	8.173.771	117.633.300
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>2.345.777</i>	<i>61.817.707.259</i>	<i>113.520.879.264</i>	<i>173.658.391.533</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản	44.000	2.400.000.000	-	721.600.000
Xuất khẩu Minh Hải	231.132	1.041.935.121	391.083.279	1.433.018.400
Ngân hàng TMCP Việt Á	2.070.433	58.371.072.918	113.129.793.915	171.500.866.833
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San	212	4.699.220	2.070	2.906.300
Khác			(1.794.990)	
Trái phiếu	49.736	4.973.600.000	-	4.973.600.000
Trái phiếu chuyển đổi Techcombank	49.736	4.973.600.000	-	4.973.600.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (d)	không áp dụng	982.000.000.000	-	982.000.000.000
II. Chứng khoán đầu tư	18.400.154	200.501.540.000	-	200.501.540.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	18.400.154	200.501.540.000	-	200.501.540.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>18.400.154</i>	<i>200.501.540.000</i>	<i>-</i>	<i>200.501.540.000</i>
Ngân hàng TMCP Kiên Long (c)	18.400.154	200.501.540.000	-	200.501.540.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - CTCK

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu/trái phiếu		Giá trị theo số kế toán		Dự phòng giảm giá	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND
II. Chứng khoán đầu tư	2.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>2.000.000</i>	-	<i>200.000.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (e)	2.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	11.284.557	16.628.736	150.344.515,860	341.981.805,860	(15.927.129,892)	(50.053.169,581)
<i>Cổ phiếu niêm yết (b)</i>	<i>10.674.557</i>	<i>10.674.557</i>	<i>144.010.403,360</i>	<i>144.010.403,360</i>	<i>(15.927.129,892)</i>	<i>(16.492.457,075)</i>
BTS	8.674.557	8.674.557	123.910.403,360	123.910.403,360	(15.927.129,892)	(16.492.457,075)
ASIAGF	2.000.000	2.000.000	20.100.000,000	20.100.000,000	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>610.000</i>	<i>5.954.179</i>	<i>6.334.112,500</i>	<i>197.971.402,500</i>	-	<i>(33.560.712,506)</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính	-	3.236.536	-	169.869.910,000	-	(12.560.712,506)
Viễn thông Sài Gòn	-	2.000.000	-	21.000.000,000	-	(21.000.000,000)
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	607.500	607.500	6.084.112,500	6.084.112,500	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vinh Hà	2.500	110.143	250.000,000	1.017.380,000	-	-
Khác	-	-	-	-	-	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

- (a) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, có 151.222 triệu VND (31/12/2012: 615.426 triệu VND) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”) và Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Á Châu Hà Nội (“ACI-HANOI”). Tập đoàn hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của ba công ty được đề cập ở trên.

Tập đoàn đã có thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI và ACI-HANOI với giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 151.222 triệu VND (31/12/2012: 605.676 triệu VND) làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của hai công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).

- (b) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 22.354 triệu VND (31/12/2012: 22.354 triệu VND) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và Bình Chánh. Tập đoàn hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.

Tập đoàn cũng đã có thỏa thuận cho phép ACI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI với giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 20.939 triệu VND (31/12/2012: 20.939 triệu VND) làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).

- (c) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có cam kết chuyển nhượng 14.400.154 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long cho một cá nhân với giá chuyển nhượng 17.000 đồng/cổ phiếu trong vòng 12 tháng kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2012, sau khi Tập đoàn có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này (Thuyết minh 19). Trong năm, Tập đoàn đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này và giao dịch đã được hoàn tất.

- (d) Tiền gửi ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 6,80% đến 8,00% (31/12/2012: 8,00% đến 14,00%).

- (e) Trái phiếu doanh nghiệp này hiện đang hưởng lãi suất 15,50%/năm, có kỳ hạn hai năm, lãi suất thay đổi định kỳ hàng quý và sẽ đáo hạn vào ngày 10 và ngày 21 tháng 1 năm 2015. Lãi được trả định kỳ hàng quý. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 735.292 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom (“VIC”) nắm giữ bởi doanh nghiệp phát hành trái phiếu và 5.729.354 cổ phiếu VIC nắm giữ bởi các cá nhân.

- (f) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, trong danh mục cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại, Tập đoàn đang đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) với giá trị sổ sách là 267.117.972.208 VND (31/12/2012: 400.025.968.618 VND). Giá trị sổ sách của chứng khoán này đã vượt quá 15% vốn chủ sở hữu hiện tại của Công ty. Việc sở hữu này chưa tuân thủ điểm e, khoản 4, điều 44 của Thông tư số 210/2012/TT-BTC (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán. Đến ngày 19 tháng 2 năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện bán bớt 3.494.210 cổ phiếu VCB tương ứng với giá trị sổ sách là 108.962.898.568 VND và tuân thủ với các quy định nêu trên.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	264.829.418.458	198.327.512.758
Trích lập dự phòng trong năm	82.682.658.263	66.501.905.700
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(120.033.400.257)	-
Số dư cuối năm	227.478.676.464	264.829.418.458

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	50.053.169.581	49.365.688.663
Trích lập dự phòng trong năm	4.190.174.004	687.480.918
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(38.316.213.693)	-
Số dư cuối năm	15.927.129.892	50.053.169.581

7. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	70.376.939.885	400.367.328.000
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.497.523.840	1.456.097.124
Tổng cộng	71.874.463.725	401.823.425.124

(*) Bao gồm trong số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là số tiền 66.323.329.885 VND phải thu từ giao dịch bán 4.083.333 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á cho Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – một công ty liên quan (“ACBR”). Theo điều khoản hợp đồng chuyển nhượng ký kết giữa Tập đoàn và ACBR, số tiền này phải được thanh toán chậm nhất vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Vào ngày 28 tháng 6 năm 2013, hai bên đã đồng ý ký kết thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán số tiền trên đến ngày 28 tháng 6 năm 2014.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****8. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	804.547.851.253	362.438.866.423
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	475.318.093.265	-
Phải thu cổ tức (iii)	41.251.578.780	13.572.505.780
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	10.383.136.516	10.729.799.096
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	474.980.972	3.394.486.110
Phải thu lãi trái phiếu	6.802.777.779	-
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi (iv)	-	158.233.105.567
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán không hưởng lãi (v)	-	157.921.830.767
Các khoản phải thu khác (vi)	1.587.179.332	43.040.949.723
	1.340.365.597.897	749.331.543.466

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,04 đến 0,05% trong năm. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.
- (ii) Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu niêm yết mà Tập đoàn đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và ACI-HANOI (Thuyết minh 6). Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được đang được phong tỏa bởi Ngân hàng mẹ theo thỏa thuận về việc bán tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).
- (iii) Bao gồm trong số dư phải thu cổ tức tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 27.680 triệu VND (31/12/2012: Không có) cổ tức phát sinh từ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư được dùng làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 6 và 34).
- (iv) Đây là số tiền Tập đoàn ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Tập đoàn được hưởng lãi suất cho số tiền đã ứng trước với lãi suất năm bình quân dao động từ 14,4% đến 19% cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Đến ngày 11 tháng 1 năm 2013, Tập đoàn đã thu toàn bộ số dư phải thu từ hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi.
- (v) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện cho số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu chưa niêm yết mà Tập đoàn đã mua thông qua một hợp đồng hợp tác đầu tư với một cá nhân (“đối tác đầu tư”) vào năm 2010. Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được được phong tỏa bởi Ngân hàng mẹ do một số thỏa thuận giữa đối tác đầu tư và Ngân hàng mẹ. Khoản tiền này đã được thu hồi đầy đủ vào ngày 4 tháng 4 năm 2013.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm trong khoản phải thu khác có số tiền 42.638.300.000 VND từ một khách hàng cá nhân từ nghiệp vụ hỗ trợ thanh toán mua cổ phiếu niêm yết. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng cổ phiếu niêm yết trị giá 50.319.802.900 VND của khách hàng này lưu ký tại Tập đoàn. Ngoài ra, nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ khách hàng này còn được đảm bảo bởi cổ phiếu và tài sản khác của một cá nhân khác.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	931.332.950	716.718.670
Trích lập dự phòng trong năm	7.029.350.020	214.614.280
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(342.400.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.618.282.970	931.332.950

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

10. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
Tăng trong năm	-	-	-	409.633.108	131.681.000	541.314.108
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(74.720.475)	-	(869.293.195)
Xóa sổ (*)	-	(9.357.947.186)	-	(621.293.007)	(154.775.500)	(10.134.015.693)
Phân loại lại (**)	-	-	-	(2.983.207.737)	(70.637.089)	(3.053.844.826)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	405.488.938	1.931.466.324	309.849.591	5.212.708.777
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(56.912.578)	-	(851.485.298)
Xóa sổ (*)	-	(9.357.947.186)	-	(621.293.007)	(154.775.500)	(10.134.015.693)
Phân loại lại (**)	-	-	-	(1.962.294.154)	(36.437.071)	(1.998.731.225)
Số dư cuối năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641
Số dư cuối năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	20.045.597.189	5.988.089.009	6.537.923.498	1.823.481.992	96.840.826.083
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	-	-	1.777.681.392	1.176.540.800	2.954.222.192
Thanh lý	-	(2.091.772.623)	(2.415.860.500)	(430.803.758)	(27.875.000)	(4.966.311.881)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.766.651.989	18.698.978.381	4.542.437.038	2.471.459.146	1.620.114.583	36.099.641.137
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	1.178.722.638	736.498.174	2.325.905.083	286.430.312	7.026.236.611
Thanh lý	-	(2.091.772.623)	(2.197.753.084)	(180.555.486)	(12.748.802)	(4.482.829.995)
Số dư cuối năm	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	53.679.082.406	1.346.618.808	1.445.651.971	4.066.464.352	203.367.409	60.741.184.946
Số dư cuối năm	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

- (*) Việc xóa sổ này phản ánh giá trị tài sản cố định đã khấu hao hết hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên.
- (**) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 13.351.042.930 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 20.014.051.167 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2013 VND	2012 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.481.127.984	2.481.127.984
Tăng trong năm	84.676.042	-
Phân loại lại (*)	(28.174.280)	-
Số dư cuối năm	2.537.629.746	2.481.127.984
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.971.202.141	1.244.265.973
Khấu hao trong năm	587.020.372	726.936.168
Phân loại lại (*)	(25.367.756)	-
Số dư cuối năm	2.532.854.757	1.971.202.141
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	509.925.843	1.236.862.011
Số dư cuối năm	4.774.989	509.925.843

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Tập đoàn phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	13.144.000.003	10.834.305.315
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.092.152.390	1.299.728.719
Tiền lãi trong năm	1.407.847.610	1.009.965.969
Số dư cuối năm	15.644.000.003	13.144.000.003

15. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	1.077.127.200	1.348.106.396

16. Nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu ngắn hạn phát hành	200.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	300.000.000.000	700.000.000.000
	500.000.000.000	700.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ ngắn hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu ngắn hạn đã phát hành					
Lô 1	VND	10,5%	28/11/2014	200.000.000.000	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	548.041.655	770.655.927
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.966.840.861	421.271.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	274.125.806
Các loại thuế khác	411.078.582	4.258.754.172
	2.925.961.098	5.724.807.092

18. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi trái phiếu phải trả	3.148.333.333	275.877.305.562
Phí giao dịch trả Trung tâm Lưu ký, Sở Giao dịch Chứng khoán	2.232.176.984	1.859.442.798
Chi phí khác	36.000.000	44.000.000
	5.416.510.317	277.780.748.360

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	183.744.526.897	82.527.742.363
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ (i)	-	200.501.540.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (ii)	214.739.398	280.595.014.544
	183.959.266.295	563.624.296.907

- (i) Khoản phải trả khác cho Ngân hàng mẹ thể hiện số tiền đặt cọc nhận được từ Ngân hàng mẹ từ giao dịch mua 18.400.154 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long theo thỏa thuận ký kết giữa hai bên vào ngày 30 tháng 3 năm 2012. Tuy nhiên, giao dịch không thể thực hiện được và bị hủy bỏ theo thỏa thuận thanh lý ký kết giữa hai bên vào ngày 13 tháng 10 năm 2013. Theo đó, Tập đoàn phải trả số tiền lãi là 25.436 triệu VND liên quan đến số tiền đặt cọc này cho Ngân hàng mẹ. Tập đoàn đã ghi nhận số tiền lãi này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2013.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

- (ii) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 230.576 triệu VND tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của một cá nhân cho giao dịch mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long từ Tập đoàn (Thuyết minh 6). Trong năm, Tập đoàn đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này và giao dịch đã được hoàn tất.

20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	82.558.318.588	49.407.121.215

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

21. Nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	300.000.000.000	1.700.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(300.000.000.000)	(700.000.000.000)
		- 1.000.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu dài hạn đã phát hành					
Lô 1	VND	11,40% - 15,81%	20/10/2013	-	300.000.000.000
Lô 2	VND	7,50% - 15,83%	30/05/2014	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 3	VND	14,30% - 15,85%	15/12/2013	-	100.000.000.000
Lô 4	VND	14,00%	31/07/2015	-	1.000.000.000.000
				300.000.000.000	1.700.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

22. Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn góp và quỹ dự phòng tài chính hàng năm.

Quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này.

23. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	39.801.817.489	363.444.083.251
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán sẵn sàng để bán	108.701.078.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư	4.872.973.008	125.106.230.717
Thu nhập cổ tức	48.998.983.098	73.228.799.840
Thu nhập trái tức	31.572.777.778	-
	233.947.629.373	561.779.113.808

24. Doanh thu khác

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	96.978.377.431	48.055.810.062
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	31.974.870.101	25.305.501.085
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.375.958.567	5.160.260.596
Lãi từ hợp đồng mua chứng khoán với cam kết bán lại	-	3.041.748.000
Hoa hồng ứng tiền ngày T	1.021.999	6.396.685
Doanh thu từ nội bộ	642.000.000	751.260.000
Doanh thu khác	2.669.346.348	4.127.733.968
	136.641.574.446	86.448.710.396

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	13.665.970.729	14.616.383.271
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	235.620.934.732	172.398.121.968
Chi phí lưu ký chứng khoán	9.643.616.627	12.606.677.190
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán	(71.476.781.683)	67.189.386.618
Chi phí lãi trái phiếu	72.922.027.773	233.739.111.117
Chi phí nhân viên trực tiếp	30.267.751.790	40.276.684.754
Khấu hao tài sản cố định	2.638.482.127	3.924.629.279
Chi phí khác cho hoạt động môi giới trái phiếu	-	23.085.620.000
Chi phí hoa hồng	857.521.847	5.326.242.987
Chi phí thuê văn phòng	4.734.763.692	5.921.277.437
Chi phí khác	8.001.040.438	13.528.089.868
	<hr/>	<hr/>
	306.875.328.072	592.612.224.489

(*) Bao gồm trong lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản lỗ trị giá 163.397 triệu VND từ việc thanh lý 3.236.536 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn trong danh mục đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty. Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa Công ty và ACI vào ngày 26 tháng 12 năm 2013 và các thủ tục thanh toán và thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã được hoàn tất trước ngày kết thúc niên độ kế toán.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2013 VND	2012 VND
Khấu hao tài sản cố định	3.161.247.022	3.828.543.500
Chi phí nhân viên	18.148.687.553	22.530.370.427
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.029.350.020	214.614.280
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	1.332.894.589	2.478.412.335
Thuế, phí, lệ phí	65.162.200	58.334.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.400.338.035	4.244.102.079
Thuế GTGT không được khấu trừ	806.247.144	1.018.137.230
Chi phí thuê văn phòng	490.551.672	823.780.350
Chi phí bằng tiền khác	6.193.334.397	6.892.429.239
	<hr/>	<hr/>
	40.627.812.632	42.088.723.746

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

27. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	17.818.182	816.554.269
Thu nhập khác	1.629.362.318	4.345.643.040
	<hr/>	<hr/>
	1.647.180.500	5.162.197.309
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	17.807.897	483.481.886
Chi phí khác	300.853.923	102.533.900
	<hr/>	<hr/>
	318.661.820	586.015.786
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	12.316.354.332	10.832.264.589
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	5.250.000.000	2.679.438.913
	17.566.354.332	13.511.703.502

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	119.234.183.097	127.173.079.945
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	31.216.598.397	32.639.100.889
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	7.468.682	25.633.475
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(13.657.712.747)	(19.153.030.862)
	17.566.354.332	13.511.703.502

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty và công ty con là 25%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	519.448.716	1.111.064.272
Doanh thu nghiệp vụ ứng tiền ngày T	1.021.999	6.396.685
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.820.190.875	23.485.230.500
Doanh thu từ bán tài sản cố định	-	207.254.270
Thu nhập khác	642.000.000	751.260.000
Doanh thu lưu ký	112.300.322	-
Phí dịch vụ trả cho Ngân hàng mẹ	-	(793.010.589)
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Ngân hàng mẹ	-	5.750.921.045
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	116.632.867	124.028.377
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	82.527.742.363	101.216.784.534
Bán chứng khoán vốn cho Ngân hàng mẹ	767.380.000	371.731.960.000
Phí tư vấn phát hành và bổ sung cổ phiếu	150.000.000	-
Thu từ hợp đồng môi giới trái phiếu	-	315.000.000.000
Hoàn trả tiền cho hợp đồng môi giới trái phiếu	-	(315.000.000.000)
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan		
Thanh lý các khoản đầu tư	66.323.329.885	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	6.361.173.120	5.979.576.622

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

	Số dư tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Ủy thác đầu tư	-	767.380.000
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	170.773.998.027	578.570.561.695
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	152.350.000.000	982.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	196.916.666	3.394.486.110
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	183.744.526.897	82.527.742.363
Phải trả khác	-	200.501.540.000
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan		
Đầu tư dài hạn	250.000.000	250.000.000
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	66.323.329.885	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

31. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Tổng số	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Tổng số	Số cuối năm	Số khó đòi	Số dự phòng
	VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	VND	Số quá hạn VND	VND	đã lập VND
1. Phải thu khách hàng	-	-	101.071.457	(101.071.457)	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	80.000.000	-	5.681.900.950	(884.501.350)	4.877.399.600	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	8.209.000	-	2.305.813.135	(1.265.292.135)	1.048.730.000	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	401.823.425.124	-	12.788.105.634.956	(13.118.054.596.355)	71.874.463.725	-	-
5. Các khoản phải thu khác	749.331.543.466	44.144.165.900	8.325.077.852.123	(7.734.043.797.692)	1.340.365.597.897	14.734.452.580	7.618.282.970
	1.151.243.177.590	44.144.165.900	21.121.272.272.621	(20.854.349.258.989)	1.418.166.191.222	15.105.467.915	7.618.282.970

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám Đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	171.697.104.841	579.082.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	152.350.000.000	982.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ (ii)	-	4.973.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (iii)	71.874.463.725	401.823.425.124
Các khoản phải thu khác (iii)	1.340.365.597.897	749.331.543.466
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	200.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	15.644.000.003	13.144.000.003
Tài sản tài chính khác	1.125.627.200	1.483.506.396
	<hr/>	<hr/>
	1.954.105.523.666	2.731.847.248.794
Các cam kết ngoài bảng cân đối kế toán		
Các thỏa thuận đảm bảo thanh toán (iv)	576.835.004.100	576.835.004.100
	<hr/>	<hr/>
	2.530.940.527.766	3.308.682.252.894
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng mẹ. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ và chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với chính sách đầu tư nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

(iii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng tổn thất giá trị tài sản.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(iv) Các thỏa thuận đảm bảo thanh toán

Công ty có ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 6, 8 và 34). Giá trị thỏa thuận đảm bảo thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 nêu trên thể hiện giá trị thị trường của tài sản đảm bảo là chứng khoán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Thuyết minh 6(a)). Toàn bộ lợi tức, cổ tức (bằng tiền hoặc bằng tài sản khác), quyền ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán phát sinh từ tài sản đảm bảo và cổ phiếu mua phát sinh từ quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán cũng thuộc tài sản đảm bảo theo thỏa thuận này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012, giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo trên lần lượt là 110.305 triệu VND và 576.835 triệu VND (Thuyết minh 6). Giá trị tài sản đảm bảo giảm trong năm do Công ty đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI bán một phần tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Công ty nêu trên (Thuyết minh 8 và 34).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

Bảng phân tích tài sản tài chính có đảm bảo và không đảm bảo chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	171.697.104.841	171.697.104.841
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	152.350.000.000	152.350.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	71.874.463.725	71.874.463.725
Các khoản phải thu khác	814.930.987.769	510.329.142.213	1.325.260.129.982
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	15.644.000.003	15.644.000.003
Tài sản tài chính khác	-	1.125.627.200	1.125.627.200
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.014.930.987.769	924.069.067.982	1.939.000.055.751
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	579.082.964.805	579.082.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	982.000.000.000	982.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	-	4.973.600.000	4.973.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	8.209.000	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	401.823.425.124	401.823.425.124
Các khoản phải thu khác	373.168.665.519	332.018.712.047	705.187.377.566
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	13.144.000.003	13.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	1.483.506.396	1.483.506.396
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	373.168.665.519	2.314.534.417.375	2.687.703.082.894
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	Các khoản phải thu khác	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn dưới 6 tháng	371.015.335	42.638.300.000

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã tổn thất như sau:

	Các khoản phải thu khác	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	13.571.713.680	1.163.465.900
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.072.738.900	-
Quá hạn từ 3 năm trở lên	90.000.000	342.400.000
	14.734.452.580	1.505.865.900

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	7.295.651.843	50.319.802.900

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm được trình bày trong Thuyết minh số 9.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	500.000.000,000	528.741.666,667	528.741.666,667
Phải trả người bán	24.776,095	24.776,095	24.776,095
Chi phí phải trả	5.416.510,317	5.416.510,317	5.416.510,317
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	183.959,266,295	183.959,266,295	183.959,266,295
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	82.558,318,588	82.558,318,588	82.558,318,588
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.309,047,069	3.309,047,069	3.309,047,069
	775.267,918,364	804.009,585,031	804.009,585,031

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Nợ ngắn hạn	700.000,000,000	798.028,611,111	798.028,611,111	-
Phải trả người bán	61.776,795	61.776,795	61.776,795	-
Người mua trả tiền trước	22.000,000	22.000,000	22.000,000	-
Chi phí phải trả	277.736,748,360	277.736,748,360	277.736,748,360	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	563.624,296,907	563.624,296,907	563.624,296,907	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	49.407,121,215	49.407,121,215	49.407,121,215	-
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.786,989,083	1.786,989,083	1.786,989,083	-
Nợ dài hạn	1.000,000,000,000	1.366,333,333,333	141.944,444,444	1.224,388,888,889
	2.592,638,932,360	3.057,000,876,804	1.832,611,987,915	1.224,388,888,889

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.697.104.841	578.582.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	152.350.000.000	982.000.000.000
Các khoản phải thu khác	804.547.851.253	520.671.971.990
Chứng khoán thương mại	-	4.973.600.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-
Nợ dài hạn	-	(1.000.000.000.000)
Nợ ngắn hạn	(200.000.000.000)	-
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Nợ ngắn hạn	(300.000.000.000)	(700.000.000.000)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 2.250 triệu VND lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.250 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – CTCK

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại của Tập đoàn là 290.610.864.700 VND (31/12/2012: 946.729.922.400 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 20%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ giảm 21.786.113.783 VND hoặc tăng 21.790.887.748 VND tương ứng (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: giảm 119.987.946.851 VND hoặc tăng 58.522.781.033 VND tương ứng).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(c) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(f) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết	516.381.798.195	290.610.864.700	1.179.774.593.474	946.729.972.400
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	(*)	-	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	171.699.203.874	171.699.203.874	579.088.793.536	579.088.793.536
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	152.350.000.000	(*)	982.000.000.000	(*)
▪ Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	(*)	8.209.000	(*)
▪ Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	71.874.463.725	(*)	401.823.425.124	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	1.332.747.314.927	(*)	748.400.210.516	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	15.644.000.003	(*)	13.144.000.003	(*)
▪ Tài sản tài chính khác	1.125.627.200	(*)	1.212.527.200	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản sẵn sàng để bán:				
▪ Chứng khoán niêm yết	144.010.403.360	54.033.139.400	144.010.403.360	52.828.405.200
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Nợ ngắn hạn	(500.000.000.000)	(*)	(700.000.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(24.776.095)	(*)	(61.776.795)	(*)
▪ Người mua trả tiền trước	-	(*)	(22.000.000)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(5.416.510.317)	(*)	(277.780.748.360)	(*)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(183.959.266.295)	(*)	(563.624.296.907)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(82.558.318.588)	(*)	(49.407.121.215)	(*)
▪ Phải trả hộ cô tức, gốc và lãi trái phiếu	(3.309.047.069)	(*)	(1.786.989.083)	(*)
▪ Nợ dài hạn	-	(*)	(1.000.000.000.000)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

33. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.760.292.400	7.296.964.134
Từ hai đến năm năm	5.302.626.300	18.674.023.648
	<hr/> 9.062.918.700 <hr/>	<hr/> 25.970.987.782 <hr/>

34. Nghĩa vụ đảm bảo thanh toán

Trong năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (“đơn vị mua trái phiếu”). Số trái phiếu trên có mệnh giá 1.193 tỷ VND có ngày đáo hạn ban đầu là ngày 29 tháng 7 năm 2013 và được gia hạn đến ngày 29 tháng 7 năm 2014 với lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 424 tỷ VND (31/12/2012: 320 tỷ VND). Công ty đã cam kết đảm bảo thanh toán toàn bộ gốc và lãi đối với các trái phiếu trên đối với đơn vị mua trái phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư giữa Công ty với hai công ty này với giá trị sổ sách là 627 tỷ VND làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu đề cập ở trên (Thuyết minh 6).

Giá trị tài sản đảm bảo còn bao gồm một số cổ phiếu niêm yết khác đang nắm giữ bởi ACI và ACI-HANOI với giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 320 tỷ VND (31/12/2012: 331 tỷ VND).

Toàn bộ thủ tục cầm cố và phong tỏa cổ phiếu dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI được thực hiện vào tháng 1 năm 2013. Theo đó, nghĩa vụ đảm bảo thanh toán của Công ty đối với gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI đã được chấm dứt vào ngày 15 tháng 1 năm 2013. Phần giá trị còn lại của nghĩa vụ thanh toán sau khi bán các tài sản đảm bảo nói trên do Ngân hàng mẹ đảm nhận theo thỏa thuận giữa Ngân hàng mẹ và đơn vị mua trái phiếu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

Tại ngày 15 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI bán một phần tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Tập đoàn nêu trên với giá trị sổ sách là 454 tỷ VND (Thuyết minh 6). Số tiền 473 tỷ VND thu được sau khi bán tài sản đảm bảo này đang được ghi nhận là khoản phải thu từ ACI và ACI-HANOI (Thuyết minh 8) và hiện đang được phong tỏa trên tài khoản của ACI và ACI-HANOI tại Ngân hàng mẹ để đảm bảo thanh toán cho các trái phiếu đề cập ở trên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc